

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **40/2019/HS-ST**.

Ngày: 21 - 11 - 2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hạ Hải Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Giáp Hà Tĩnh.

2. Ông Mai Thế Hải.

Thư ký phiên Tòa: Ông Hồ Văn Khánh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tánh Linh tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2019/TLST-HS, ngày 04 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2019/QĐXXST-HS, ngày 08 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Quốc Q (tên gọi khác: B)**, sinh năm 1998 tại Bình Thuận; Nơi cư trú: Khu phố 5, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh B; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn M, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1974; vợ, con: Chưa có; Tiền án: Bị Tòa án nhân dân tỉnh B xử phạt 09 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”, theo Bản án số 53/2017/HS-PT, ngày 22/6/2017; chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/02/2018, chưa được xóa án tích. Tiền sự: Không.

Quá trình nhân thân: Ngày 26/5/2015 bị Tòa án nhân huyện Đ xử phạt 06 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/8/2015 (phạm tội dưới 18 tuổi).

Bị cáo bị bắt ngày 24/6/2019; tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T cho đến nay. Có mặt.

2. Họ và tên: **Ngô Minh Ph (tên gọi khác: Không)**, sinh năm 1994 tại Bình Thuận; Nơi cư trú: Khu phố 3, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh B; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Quang V, sinh năm 1960 và bà Đỗ Thị C, sinh năm 1960; vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Quá trình nhân thân: Ngày 19/4/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 10 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 22/12/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/7/2013. Ngày 25/9/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 10 tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”, ngày 05/05/2016 chấp hành xong bản án.

Bị cáo bị bắt ngày 24/6/2019; tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T cho đến nay. Có mặt.

3. Họ và tên: **Nguyễn Minh T (tên gọi khác: T Trường)**, sinh năm 1993 tại Bình Thuận; Nơi cư trú: Khu phố 5, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh B; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tr, sinh năm 1972 và bà Trần Thị H, sinh năm 1975; vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Quá trình nhân thân: Ngày 19/4/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 02 năm 06 tháng tù về 02 tội “*Cố ý gây thương tích*” và “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/02/2013. Ngày 24/10/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/6/2014. Ngày 25/9/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 15 tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”, ngày 05/10/2016 chấp hành xong bản án.

Bị cáo bị bắt ngày 24/6/2019; tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T cho đến nay. Có mặt.

4. Họ và tên: **Phạm Đình Ph (tên gọi khác: Không)**, sinh năm 1995 tại Bình Thuận; Nơi cư trú: Thôn 5, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đình H, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1959; vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 02/7/2019; tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T cho đến nay. Có mặt.

Bị hại:

- Chị Nguyễn Thị Hoàng O, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện T, tỉnh B. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Chị Nguyễn Vũ Trà M, sinh năm 2005; địa chỉ: Thôn 5, xã N, huyện T, tỉnh B. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật của Nguyễn Vũ Trà M: Bà Vũ Thị Ngọc H, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn 5, xã N, huyện T, tỉnh B. Vắng mặt.

- Bà Lê Thị L, sinh năm 1951; địa chỉ: Thôn Ph, xã Ph, huyện N, tỉnh N. Vắng mặt.

- Bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn 5, xã G, huyện T, tỉnh B. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Võ Hoàng Anh L, sinh năm 2000; Địa chỉ: Khu phố 9, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh B. Vắng mặt.

- Ông Võ Ngọc A, sinh năm 1974; Địa chỉ: Khu phố 9, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh B. Vắng mặt.

- Anh Huỳnh Thế Ph, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thị trấn G, huyện XL, tỉnh Đ. Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1974; Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh B. Có mặt.

- Bà Đỗ Thị Ch, sinh năm 1960; Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh B. Có mặt.

- Bà Trần Thị H, sinh năm 1975; Địa chỉ: Khu phố 6, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh B. Có mặt.

- Anh Phạm Thế A, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn 5, xã N, huyện Đ, tỉnh B. Có mặt.

- Chị Ngô Thị Huyền N, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn 6, xã N, huyện Đ, tỉnh B. Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1996; Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh B. Có mặt.

- Chị Trần Thị L, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện T, tỉnh B. Có mặt.

Người làm chứng:

- Chị Nguyễn Ngọc Bảo Tr, sinh năm 2003; địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện T, tỉnh B.

- Bà Lê Thị Th, sinh năm 1952; địa chỉ: Thôn 1, xã B, huyện T, tỉnh B.

- Bà Võ Thị Bích T, sinh năm 1963; Thôn 3, xã M, huyện T, tỉnh B.

- Bà Hồ Thị Kim L, sinh năm 1973; Thôn 3, xã M, huyện T, tỉnh B.

- Ông Nguyễn C, sinh năm 1972; Thôn 2, xã H, huyện T, tỉnh B.
- Ông Nguyễn Ch, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn 5, xã G, huyện T, tỉnh B.

(Người làm chứng đều vắng mặt tại phiên Tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo cáo trạng số 41/CT-VKSND–TL, ngày 01/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, các bị cáo Nguyễn Quốc Q, Ngô Minh Ph, Nguyễn Minh T và Phạm Đình Ph đã thực hiện hành vi như sau:

Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 24/5/2019, Nguyễn Quốc Q, Nguyễn Minh T, Ngô Minh Ph, Phạm Đình Ph cùng một số người bạn tổ chức ăn nhậu tại khu vực rẫy cao su thuộc khu phố 5, thị trấn V, huyện Đ. Khi mỗi người uống được khoảng 03 đến 04 lon bia thì Nguyễn Tuấn Q mượn xe Raider, màu đen, biển số 60B2-343.90 của Ph đi đến nhà bạn gái là Nguyễn Thị H ở thị trấn V để chơi. Đến khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày, Ph và T mượn xe Exciter 135, màu trắng xanh, biển số 86B7-099.91 của Ph đi tới nhà H bạn gái của Q để đổi lấy xe Raider và đưa xe của Ph cho Q sử dụng; sau đó T và Ph lấy xe Raider chạy về hướng M. Lúc này tại nơi nhậu Q rủ Ph “*tí đi làm không*” (tức đi cướp giật tài sản), thì Ph đồng ý; Q đổi xe và nón bảo hiểm của mình để lấy xe mô tô hiệu Honda Winner màu trắng đen biển số 86B8-402.48 và nón bảo hiểm của Võ Hoàng Anh L để đi. Q đưa xe cho Ph điều khiển chở Q đi đến khu vực trung tâm thị trấn V; Ph lấy điện thoại gọi cho Ph và đưa cho Q nói chuyện, Q hỏi Ph đang ở đâu, Ph nói đang ở MêPu, Q hỏi Ph “*Đi làm không*” (tức là đi cướp giật tài sản), Ph đồng ý, Ph nói với T “*Q rủ đi làm*” (tức cướp giật tài sản) thì T đồng ý; Khi Ph, T, Q, Ph gặp nhau, Ph hỏi Ph “*giờ đi đâu*”, Ph trả lời “*đi hướng Bắc Ruộng, hướng Tánh Linh*”, cả nhóm đồng ý; Ph nói với T mua khẩu trang để mang tránh bị phát hiện, thì T mua 02 khẩu trang, T 01 cái, Ph 01 cái; Ph điều khiển xe mô tô Suzuki Raider màu đen biển số 60B2- 343.90 chở T; Ph điều khiển xe mô tô Honda Winer màu trắng biển số 86B8-402.48 chở Q đi về hướng Đ theo đường ĐT 717, lúc này khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày. Khi đến đoạn đường thuộc thôn 3, xã Đ thì Q phát hiện phía trước có chị Nguyễn Thị Hoàng O ở thôn 5, xã Đ, huyện T điều khiển xe mô tô hiệu Honda Air Blade chở Nguyễn Ngọc Bảo Tr chạy ngược chiều, trên cổ có đeo sợi dây chuyền vàng. Q nói “*Bà đó có đeo cọng dây chuyền trên cổ*”, thì Ph nói “*vậy có giật không*”, Q nói “*giật*”, thì Ph điều khiển xe quay đầu lại; Ph cũng quay xe lại chạy theo, khi Ph áp sát về phía bên trái xe của chị O, Q dùng tay phải giật sợi dây chuyền vàng 18K trên cổ chị O, Ph tăng ga chạy về hướng MêPu, còn Ph và T chạy theo sau với mục đích để cản trở nếu có người truy đuổi theo Ph và Q. Trên đường đi Q thấy bên trái có đường bê tông thì Qn nói Ph rẽ vào và chạy đến ngã ba cả nhóm dừng lại; Q đưa sợi dây chuyền không có mặt cho Ph cầm rồi cả nhóm đi tiếp để kiếm đường ra hướng BR. Lúc này Ph chở T đi trước, Ph chở Q đi sau, khi chạy tới con hẻm có ngã tư thuộc thôn 5, xã N thì Q thấy có 3 đến 4 em học sinh đi xe đạp, trong

đó có Nguyễn Vũ Trà M, sinh năm 2005 ở thôn 5, xã N đang cầm điện thoại trên tay, Q nói Ph quay lại thì Ph quay xe lại chạy áp sát em M, Q dùng tay phải giật chiếc điện thoại Vivo 1820, màu đỏ của em M, Ph tăng ga bỏ chạy ra đường ĐT 717, gặp Ph và T thì Q lấy điện thoại vừa giật được đưa cho Ph, T xem rồi cả nhóm chạy về hướng BR.

Trên đường đi đến khu vực thôn 3, xã M, huyện T, Ph chở Q đi trước, Q nhìn thấy bà Lê Thị L đang điều khiển xe mô tô hiệu Honda Future chở sau bà Lê Thị Th đang đi cùng chiều phía trước, Q nói với T “*Có hai bà phía trước kìa cậu ơi*”, T trả lời: “*Ừ*”, rồi T bảo Ph chạy vượt lên áp sát bên trái xe của bà L, Tiến dùng tay phải giật lấy một sợi dây chuyền vàng trên cổ bà L, ngay sau khi giật xong cả nhóm tăng ga chạy về hướng xã BR, rẽ vào đường Hà Bắc để đi qua xã G. Đi được một đoạn Ph, T, Q, Ph dừng xe lại để mua nước uống, lúc này T lấy sợi dây chuyền vàng vừa giật được ở M ra cho cả nhóm xem và đưa cho Ph cất giữ, Q đưa cho T chiếc điện thoại Vivo 1820 đã cướp giật được ở N cho T cất giữ. Q, Ph, T và Ph chạy xe về hướng GA. Khi đến thôn 5, xã G khoảng 16 giờ 45 phút cùng ngày, thì Ph nhìn thấy bà Huỳnh Thị Đ đang điều khiển xe mô tô chạy phía trước, Ph liền chỉ tay ra hiệu cho Q và Ph, khi nhận được tín hiệu từ Ph thì Ph chở Q chạy lên, lúc này Q nhìn thấy bà Đ đeo sợi dây chuyền trên cổ, Ph liền điều khiển xe áp sát bên trái xe của bà Đ, Q dùng tay phải giật lấy sợi dây chuyền vàng trên cổ của bà Đ, rồi cả nhóm điều khiển xe mô tô chạy về hướng Đ, khi đi đến xã V, huyện Đ; Q, Ph, T và Ph đi vào đường Núi Dinh được một lúc thì Q, Ph, T và Ph dừng lại để đi vệ sinh và lấy tài sản vừa cướp giật được ra xem. T đưa lại cho Q điện thoại Vivo 1820 để Q cầm. Sau đó, cả nhóm thống nhất theo ý của Ph là đi ra XL, ĐN để bán rồi chia nhau lấy tiền tiêu xài.

Trên đường đi tới ấp T, xã X, huyện XL, tỉnh Đ; Q chở Ph chạy trước, còn Ph và T dừng lại để đi vệ sinh thì bị lực lượng Công an xã X truy đuổi nên Ph và T đã để lại xe Raider biển số 60B2- 343.90 bỏ chạy. Ph gọi điện thoại cho Ph nói “*bị rớt rồi*” và nói P quay lại đón T với Ph. Q điều khiển xe mô tô quay lại chở Ph và T cùng đi ra ngã 3 ông Đồn; Ph điện thoại cho Ngô Thị Huyền N nói “*Chị có phòng trọ không, em và T ghé chơi*” thì N đồng ý; N dẫn cả nhóm về phòng trọ của N ở XL chơi; Ph lấy ra 03 sợi dây chuyền vàng, nói là dây chuyền vàng của Ph và nhờ N cầm đi bán thì N đồng ý. P lấy xe mô tô biển số 86B8-402.48 chở N đi tới tiệm vàng K ở ấp Việt Kiều, xã S, huyện XL bán được 01 sợi dây chuyền vàng không có mặt với giá 6.200.000 đồng; Ph tiếp tục chở N đến tiệm vàng K ở ấp Bình Minh, xã X, huyện XL bán sợi dây chuyền vàng thứ 2 với giá 6.000.000 đồng, còn sợi thứ ba không bán được N đưa lại cho Ph và đưa cho Ph số tiền 12.200.000đ, Ph chia cho Ph, Q, T, Ph mỗi người 3.000.000đ, còn lại 200.000đ Ph cho N. Ph rủ T đi bán sợi dây chuyền vàng thứ ba có mặt dây chuyền bằng đá cẩm thạch, T điều khiển xe mô tô biển số 86B8-402.28 chở Ph đi tới tiệm vàng K ở thị trấn G, huyện XL, tỉnh Đ bán nhưng chỉ bán được sợi dây với giá 6.000.000 đồng, còn mặt dây chuyền tiệm vàng không mua nên Ph bỏ vào trong ví của mình (mặt dây chuyền này Ph khai đã làm mất). Ph chia đều số tiền cho Ph, T, Q, Ph mỗi người 1.500.000 đồng. Còn chiếc điện thoại Vivo 1820 Q muốn lấy sử dụng nên đã đưa cho T, Ph mỗi người 250.000 đồng, còn Ph thì không lấy tiền của Q. Ngày 25/5/2019 Q đón xe khách vào Tp.

HCM bán chiếc điện thoại Vivo 1820 cho một người đàn ông (chưa xác nhận được nhân thân) với giá 1.450.000đ. Ngày 24/6/2019 Nguyễn Quốc Q, Nguyễn Minh T và Ngô Minh Ph bị bắt. Ngày 01/7/2019 Phạm Đình Ph đến Công an huyện T đầu thú.

Bản kết luận định giá tài sản số 34, 35, 36 ngày 05/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự, huyện T, kết luận:

- 01 sợi dây chuyền vàng 18 cara (k) của chị Nguyễn Thị Hoàng O, có trọng lượng 03 chỉ 06 phân, đã bao gồm mặt dây chuyền; mặt dây chuyền có chữ X có đính đá trang sức màu trắng (tài sản không còn, chỉ tính toán giá trị dựa trên lời khai và hình ảnh) trị giá **7.740.000** đồng.

- 01 sợi dây chuyền vàng 18 cara (k) của bà Lê Thị L, có trọng lượng 03 chỉ 06 phân 09 li, đã bao gồm mặt dây chuyền; mặt dây chuyền bằng đá cẩm thạch màu xanh (tài sản không còn, chỉ tính toán giá trị dựa trên lời khai và hình ảnh) trị giá **7.933.000** đồng.

- 01 sợi dây chuyền vàng 18 cara (k) của bà Huỳnh Thị Đ, có trọng lượng 03 chỉ 05 phân, đã bao gồm mặt dây chuyền; mặt dây chuyền bằng đá cẩm thạch màu xanh, không có viền bằng vàng bao quanh (tài sản không còn, chỉ tính toán giá trị dựa trên lời khai và hình ảnh) trị giá **7.525.000** đồng.

Bản kết luận định giá tài sản số 47, ngày 03/7/2019, của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự, huyện T, kết luận: 01 điện thoại di động loại màn hình cảm ứng hiệu Vivo 1820 (Vivo Y91C), màu đỏ của Nguyễn Vũ Trà M trị giá **2.196.000** đồng.

Quá trình điều tra đã thu giữ các vật chứng: Thu giữ của Nguyễn Thị Cẩm T 01 điện thoại Oppo F9, màu đỏ, viền trước màu đen, ốp lưng màu vàng; Thu giữ của ông Võ Ngọc A 01 xe mô tô Winner, màu trắng, biển số 86B8- 402.48; Thu giữ của Trần Thị L 01 điện thoại di động bên ngoài điện thoại có ghi nhãn hiệu Iphone, số IMEI 354403061603443 đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số: 0921258892; Thu giữ của anh Võ Hoàng Anh L 01 nón bảo hiểm màu xám, vành bọc da màu xám có chữ Vinaphone, đầu nón có logo VNPT màu xanh dương, lưỡi nón màu đen; 01 điện thoại di động hiệu vivo Y31, màn hình cảm ứng cũ đã qua sử dụng, có số IMEL: 869525027262779, 869525027262761; 01 điện thoại di động hiệu nokia 8110, loại bàn phím có nắp trượt che màn hình, phím màu đen cũ đã qua sử dụng, có số IMEL: 355001090227637; Thu giữ của Nguyễn Vũ Trà M 01 vỏ hộp điện thoại ; 01 xe Suzuki Raider 150, Biển số: 60B2- 343.90, màu đen, của Ngô Minh Ph; 200.000 đồng của Nguyễn Thị Huyền N giao nộp, là số tiền Ph cho N từ tiền bán dây chuyền cướp giật được; 01 điện thoại hiệu Oppo A37FW, màu đen, viền trước màu đen, ốp lưng màu đỏ, đã qua sử dụng của Nguyễn Minh T; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu nokia màu đen, có số IMEI 355839095094241, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số: 0921260891 của Nguyễn Quốc Q; 01 Con dao dài 45cm, cán dài 15cm, lưỡi dao 30cm, rộng 7cm; 01 đôi dép tông màu trắng và 01 chiếc dép tổ ong bằng nhựa màu vàng.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra Nguyễn Quốc Q, Ngô Minh Ph, Nguyễn Minh T và Phạm Đình Ph đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho chị Nguyễn Thị Hoàng O số tiền 7.740.000 đồng. Bồi thường cho bà Lê Thị L số tiền 7.933.000 đồng. Bồi thường cho cháu Nguyễn Vũ Trà M số tiền 3.000.000 đồng và bồi thường cho chị Huỳnh Thị Đ số tiền 7.525.000 đồng. Các bị hại không yêu cầu gì thêm.

Với hành vi như trên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Nguyễn Quốc Q, Ngô Minh Ph, Nguyễn Minh T và Phạm Đình Ph về tội “Cướp giật tài sản” theo các điểm d, g khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh, điều luật và mức hình phạt:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quốc Q, Ngô Minh Ph, Nguyễn Minh T và Phạm Đình Ph đều phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng: Các điểm d, g khoản 2 Điều 171; các điểm b, s khoản 1 Điều 51 và các điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt Bị cáo **Nguyễn Quốc Q** với mức án từ 05 năm đến 06 năm tù.

Áp dụng: Các điểm d, g khoản 2 Điều 171; các điểm b, s khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt Bị cáo **Ngô Minh Ph** với mức án từ 04 năm đến 05 năm tù.

Áp dụng: Các điểm d, g khoản 2 Điều 171; các điểm b, s khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt Bị cáo **Nguyễn Minh T** với mức án từ 04 năm đến 05 năm tù.

Áp dụng: Các điểm d, g khoản 2 Điều 171; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt Bị cáo **Phạm Đình Ph** với mức án từ 03 năm đến 04 năm tù.

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên không đề nghị xem xét bồi thường dân sự trong vụ án.

- Về vật chứng:

Đề nghị tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 xe Suzuki Raider 150, biển số: 60B2-343.90, màu đen, của Ngô Minh Ph; 200.000 đồng của Nguyễn Thị Huyền N giao nộp; 01 điện thoại hiệu Oppo A37FW, màu đen, viền trước màu đen, ốp lưng màu đỏ, đã qua sử dụng, của Nguyễn Minh T và 01 điện thoại di động, nhãn hiệu nokia màu đen, có số IMEI 355839095094241, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số: 0921260891, của Nguyễn Quốc Q.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 Con dao dài 45cm, cán dài 15cm, lưỡi dao 30cm, rộng 7cm; 01 đôi dép tông màu trắng và 01 chiếc dép tổ ong bằng nhựa màu vàng.

Ý kiến của bị cáo Nguyễn Quốc Q: Bị cáo không có ý kiến tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến của bị cáo Ngô Minh Ph: Bị cáo không có ý kiến tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến của bị cáo Nguyễn Minh T: Bị cáo không có ý kiến tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến của bị cáo Phạm Đình Ph: Bị cáo không có ý kiến tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Những người có quyền, nghĩa vụ liên quan đều không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố:* Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa; các bị cáo, bị hại đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội của các bị cáo:* Tại phiên Tòa, các bị cáo Nguyễn Quốc Q, Ngô Minh Ph, Nguyễn Minh T và Phạm Đình Ph đều thừa nhận: Khoảng 15 giờ 30 phút đến 16 giờ 45 phút, ngày 24/5/2019; Nguyễn Quốc Q, Ngô Minh Ph, Nguyễn Minh T và Phạm Đình Ph đã có hành vi sử dụng xe mô tô biển số 86B8-402.48 và xe mô tô biển số 60B2-343.90 đi cướp giật của chị Nguyễn Thị Hoàng O sợi dây chuyền vàng trị giá 7.740.000 đồng tại thôn 3, xã Đ; Cướp giật của cháu Nguyễn Vũ Trà M, sinh năm 2005 điện thoại di động trị giá 2.196.000 đồng tại thôn 5, xã N; Cướp giật của bà Lê Thị L sợi dây chuyền vàng trị giá 7.933.000 đồng tại xã M và cướp giật của bà Huỳnh Thị Đ sợi dây chuyền vàng trị giá 7.525.000 đồng tại thôn 5, xã G. Tổng tài sản các bị cáo đã cướp giật trị giá 25.394.000 đồng. Như vậy Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để kết luận hành vi của các bị cáo Nguyễn Quốc Q, Ngô Minh Ph, Nguyễn Minh T và Phạm Đình Ph đều đã phạm vào tội “*Cướp giật tài sản*” theo quy định tại các điểm d, g khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2017) theo như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo Nguyễn Quốc Q, Ngô Minh Ph, Nguyễn Minh T và Phạm Đình Ph đều phạm tội thuộc trường hợp “*Phạm tội 02 lần trở lên*” nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Riêng bị cáo Nguyễn Quốc Q đang có tiền án, chưa được xóa án tích mà còn tiếp tục

phạm tội nên áp dụng thêm tình “*Tái phạm*” quy định tại điểm h Điều 52 Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuy nhiên, các bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra; quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Riêng bị cáo Phạm Đình Ph sau khi phạm tội đã ra đầu thú nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] *Về vai trò của từng bị cáo trong vụ án:* Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng nhau thống nhất ý chí thực hiện hành vi phạm tội. Trong đó bị cáo Q là người chủ mưu khởi xướng và cũng người thực hành tích cực, trực tiếp 03 lần thực hiện hành vi cướp giật tài sản tại xã Đ, xã N và xã G nên có vai trò đứng đầu trong vụ án. Bị cáo Ph tuy không trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật nhưng là người giúp sức tích cực, điều khiển xe mô tô chở bị cáo T gây ra vụ cướp giật tài sản tại xã M; ngoài ra bị cáo P còn có vai trò tích cực trong việc cất giữ, bán tài sản, chia tiền từ việc bán tài sản cướp giật mà có nên bị cáo giữ vai trò quan trọng thứ hai trong vụ án. Bị cáo T là người thực hành tích cực, trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật tài sản xảy ra tại xã M và chở bị cáo Ph đi bán sợi dây chuyền, vì vậy trong vụ án bị cáo T đóng vai trò quan trọng chỉ sau bị cáo Q và Ph. Đối với bị cáo Ph tham gia với vai trò giúp sức, điều khiển xe chở bị cáo Q thực hiện 03 vụ cướp giật nên giữ vai trò thấp nhất trong vụ án.

Từ phân tích về vị trí, vai trò của từng bị cáo trong vụ án; theo các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự mà mỗi bị cáo được hưởng. Khi quyết định hình phạt, cần áp dụng cho bị cáo Q mức án cao hơn các bị cáo khác; kế tiếp là mức án dành cho bị cáo Ph; bị cáo T mức án thấp hơn bị cáo Ph và cuối cùng là mức án dành cho bị cáo Ph.

[5] *Về trách nhiệm dân sự:* Trong quá trình điều tra, các bị hại đều không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường dân sự. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về trách nhiệm dân sự của các bị cáo trong vụ án này.

[6] *Về vật chứng trong vụ án:*

Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện T đã thu giữ, trả lại cho: Chị Nguyễn Thị Cẩm T 01 điện thoại Oppo F9, màu đỏ, viền trước màu đen, ốp lưng màu vàng; ông Võ Ngọc A 01 xe mô tô Winner, màu trắng, biển số 86B8- 402.48; chị Trần Thị L 01 điện thoại di động bên ngoài điện thoại có ghi nhãn hiệu Iphone, số IMEI 354403061603443 đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số: 0921258892; anh Võ Hoàng Anh L 01 nón bảo hiểm màu xám, vành bọc da màu xám có chữ Vinaphone, đầu nón có logo VNPT màu xanh dương, lưỡi nón màu đen; 01 điện thoại di động hiệu vivo Y31, màn hình cảm ứng cũ đã qua sử dụng, có số IMEI: 869525027262779, 869525027262761; 01 điện thoại di động hiệu nokia 8110, loại bàn phím có nắp trượt che màn hình, phím màu đen cũ đã qua sử dụng, có số IMEI: 355001090227637; chị Nguyễn

Vũ Trà M 01 vỏ hộp điện thoại. Chị T, ông A, chị L, anh L và chị M đều không có ý kiến, yêu cầu gì về vật chứng đã trả lại nên không xem xét, giải quyết trong vụ án.

Đối với vật chứng 01 xe Suzuki Raider 150, biển số: 60B2- 343.90, màu đen, của Ngô Minh Ph; 200.000 đồng của Nguyễn Thị Huyền N giao nộp; 01 điện thoại hiệu Oppo A37FW, màu đen, viền trước màu đen, ốp lưng màu đỏ, đã qua sử dụng, của Nguyễn Minh T và 01 điện thoại di động, nhãn hiệu nokia màu đen, có số IMEI 355839095094241, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số: 0921260891, của Nguyễn Quốc Q là những công cụ, phương tiện liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước theo quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với vật chứng: 01 con dao dài 45cm, cán dài 15cm, lưỡi dao 30cm, rộng 7cm; 01 đôi dép tông màu trắng và 01 chiếc dép tổ ong bằng nhựa màu vàng là những vật chứng không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Về các vấn đề khác:

Quá trình điều tra, bà Nguyễn Thị N là mẹ của bị cáo Q đã tự nguyện nộp số tiền 6.550.000 đồng; bà Đỗ Thị C là mẹ của bị cáo Ngô Minh Ph đã nộp 550.000 đồng; bà Nguyễn Thị H là mẹ của bị cáo Nguyễn Minh T đã nộp 6.550.000 đồng và anh Phạm Thế A là anh của bị cáo Phạm Đình Ph đã nộp 6.550.000 đồng để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan này đều không có yêu cầu gì đối với các bị cáo về số tiền đã nộp khắc phục hậu quả, do đó Hội đồng xét xử không xem xét đến trong bản án.

Đối với anh Huỳnh Thế Ph khi mua sợi dây chuyền là tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt thì không biết tài sản này là do các bị cáo phạm tội mà có; quá trình điều tra, anh Ph đã tự nguyện nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 6.000.000 đồng là tiền mua sợi dây chuyền; sau đó gia đình các bị cáo đã hoàn trả lại cho anh Ph số tiền này và anh Phg không có yêu cầu gì trong vụ án nên cũng không xem xét đến.

[8] Về án phí: Cần buộc các bị cáo Nguyễn Quốc Q, Ngô Minh Ph, Nguyễn Minh T và Phạm Đình Ph phải nộp tiền án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về tội danh:

Căn cứ vào các điểm d, g khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2017):

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quốc Q, Ngô Minh Phg, Nguyễn Minh T và Phạm Đình Ph đều phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Về hình phạt:

Căn cứ vào các điểm d, g khoản 2 Điều 171; các điểm b, s khoản 1 Điều 51 và các điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt Bị cáo **Nguyễn Quốc Q** 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 24/6/2019.

Căn cứ vào các điểm d, g khoản 2 Điều 171; các điểm b, s khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt Bị cáo **Ngô Minh Ph** 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 24/6/2019.

Căn cứ vào các điểm d, g khoản 2 Điều 171; các điểm b, s khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt Bị cáo **Nguyễn Minh T** 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 24/6/2019.

Căn cứ vào các điểm d, g khoản 2 Điều 171; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt Bị cáo **Phạm Đình Ph** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 02/7/2019.

Về vật chứng:

Áp dụng các điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 xe Suzuki Raider 150, biển số: 60B2-343.90, màu đen của Ngô Minh Ph; Số tiền 200.000 đồng của Nguyễn Thị Huyền N giao nộp theo biên lai thu số 003272, ngày 01/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T; 01 điện thoại hiệu Oppo A37FW, màu đen, viền trước màu đen, ốp lưng màu đỏ, đã qua sử dụng, của Nguyễn Minh T; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu nokia màu đen, có số IMEI 355839095094241, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số: 0921260891, của Nguyễn Quốc Q.

Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 con dao dài 45cm, cán dài 15cm, lưỡi dao 30cm, rộng 7cm; 01 đôi dép tông màu trắng và 01 chiếc dép tổ ong bằng nhựa màu vàng.

(Tất cả những vật chứng trên hiện đang thu giữ tại Chi cục Thi hành theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/11/2019).

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Nguyễn Quốc Q, Ngô Minh Ph, Nguyễn Minh T và Phạm Đình Ph mỗi người phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Các Bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 21/11/2019.

Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai (đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện T;
- CQCSĐT C.A huyện;
- Cơ quan THAHS - Công an huyện;
- Nhà tạm giữ - CA huyện;
- UBND TT.V (Thay t/b);
- UBND xã N (Thay t/b);
- Sở TP T. B;
- C.C T.H.A DS (khi án có HLPL);
- Lưu án văn, HSVA;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hạ Hải Hồ